

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 226/2020/HS-ST
Ngày 25 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Thức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Chương.

2. Ông Lê Văn Khoe.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 212/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2020/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 09 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2020/HSST-QĐ ngày 15 tháng 09 năm 2020, đối với:

1/ Các bị cáo:

- Bùi Thanh V, sinh năm 1987. HKTT: 1419/x đường Y, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Bùi Văn U, mẹ: Huỳnh Thị Thúy Ng; Vợ, con: không có; Tiền sự: không;

Tiền án:

Bản án số 63/2006/HSST ngày 22-12-2006 của Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bản án số 44/2010/HSST ngày 07-4-2010 của Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 01 năm tù về tội “Cố ý làm hư hỏng tài sản”;

Bản án số 113/2011/HSST ngày 23-6-2011, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bản án số 235/2011/HSST Ngày 22-12-2011, Tòa án nhân dân thành phố V xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; tổng hợp hình phạt 03 năm tù của Bản án số 113/2011/HSST ngày 23-6-2011 của Tòa án nhân dân thành phố V là 09 năm tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11-10-2018.

Bị bắt ngày 31-01-2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (có mặt)

- **Nguyễn Trọng Th**, sinh năm 1978 tại Bà Rịa-Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 12x đường Y, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: thợ sơn; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn T, mẹ: Nguyễn Thị L; Vợ, con: không có; Tiền sự: không;

Tiền án:

Bản án số 56/HSST ngày 20-7-1995 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bản án số 124/HSST ngày 01-9-1998 của TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bản án 25/HSST ngày 07-3-2001 bị TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 24 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

Bản án 37/HSST ngày 04-8-2005 bị TAND huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 42 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”;

Bản án số 97/2009/HSST ngày 28-9-2009 của TAND thị xã B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và 07 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tổng hợp hình phạt là 09 năm 06 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 19-12-2018.

Bị bắt ngày 30-01-2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (có mặt)

- **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1993 tại Đồng Nai. Hộ khẩu thường trú: 9x đường Y, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: thợ hồ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn R, mẹ: Võ Thị B; Vợ, con: không có; Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Bản án số 151/2008/HSST ngày 09-5-2008 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù về tội “Cướp tài sản”; Đã chấp hành xong hình phạt và các phần khác của bản án.

Bị bắt ngày 30-01-2020, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (có mặt)

- **Nguyễn Minh T2**, sinh ngày 08-10-1993 tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Hộ khẩu thường trú và chỗ ở: 130/x đường Y, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghề nghiệp: thợ hồ; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Cha: Nguyễn Văn T mẹ: Nguyễn Thị Đài Tr; Vợ, con: không có;

Tiền sự: không.

Tiền án: Bản án số 07/2015/HSST ngày 03-02-2015 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chưa chấp hành phần án phí.

Nhân thân:

Bản án số 151/2008/HSST ngày 09-5-2008 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng, về tội “Cướp tài sản”;

Bản án số 84/2011/HS-ST ngày 11-5-2011 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị bắt ngày 30-01-2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V. (có mặt)

2. Bị hại:

- Ông Mai Xuân C, sinh năm 1971. Địa chỉ: 888x đường Y Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1977. Địa chỉ: 78/x đường L, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bùi Thanh V là đối tượng có nhiều tiền án về các hành vi chiếm đoạt tài sản và cố ý làm hư hỏng tài sản chưa được xóa án tích, bản thân không có việc làm nhưng lại muốn có tiền để tiêu xài nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác bán lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân. Khoảng 11 giờ 00 ngày 29-01-2020, V điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave, biển số 60S9-2695 đi đến hẻm 8x đường 30/4, Phường 11, thành phố V. Khi đi ngang qua dãy phòng trọ địa chỉ số 888/x đường Y, Phường M, thành phố V thì thấy chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Mio, màu trắng, biển số 72K5-9016 của anh Mai Xuân C đang dựng trước cửa và chìa khóa xe còn cắm trên ổ khóa nên V nảy sinh ý trộm cắp. V điều khiển xe mô tô hiệu Honda Wave α, biển số 60S9-2695 đi về gửi tại tiệm game bắn cá trong hẻm 100x đường Y, Phường M, thành phố V rồi thuê xe ôm quay lại dãy phòng trọ lên lút đi bộ đến chiếc xe mô tô Yamaha Mio biển số 72K5-9016 rồi điều khiển về dãy phòng trọ thuộc bãi đất trống phía sau Xưởng chế biến hải sản L địa chỉ: 7/20/x đường P, Phường M2, thành phố V để cất giấu.

Sau đó V thuê xe ôm đến tiệm game bắn cá để lấy xe máy hiệu Honda Wave, biển số 60S9-2695 và chạy xe đến đường L, Phường M, thành phố V, khi đi ngang qua nhà số 78/4x nhìn vào trong sân thấy xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen-nâu, không gắn biển số của anh Nguyễn Thanh T nên nảy sinh ý định trộm cắp. V điều khiển xe mô tô biển số 60S9-2695 đi vào sâu bên trong hẻm 78 đường Đ và dựng xe lại ở ven đường rồi đi bộ trở lại nhà số 78/4x đường L, Phường M, nhìn vào trong thấy mọi người đang ngủ, V liền đi vào lấy chìa khóa xe mô tô để trên nóc tủ lạnh, sau đó đi ra ngoài sân mở khóa khởi động xe mô tô Vision này rồi điều khiển xe về cất giấu tại phòng trọ của mình số 32/x đường T, Phường M2, thành phố V. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, V đến tiệm game bắn cá tại hẻm 100x đường Y, Phường M gặp và nhờ Nguyễn Trọng Th tìm người mua để bán giúp chiếc xe

Honda Vision với giá 10.000.000đ. Th biết rõ chiếc xe mô tô Honda Vision này còn mới, không có biển số, không giấy tờ và bán với giá rẻ nên tự hiểu là xe do V chiếm đoạt được của người khác mà có nhưng Th vẫn đồng ý giúp V tiêu thụ xe. Sau đó Th gọi điện thoại cho Nguyễn Văn T thỏa thuận mua bán xe, T đồng ý mua với giá 7.000.000đ, Th liền chạy xe mô tô của mình đến phòng trọ của T trên đường L rồi chở T đến phòng trọ của V để cất giấu xe. Tại đây, T cũng hiểu rõ xe do V chiếm đoạt được của người khác mà có nhưng vẫn đồng ý mua với giá 7.000.000đ. Sau khi mua xe xong, T chạy về phòng trọ của mình gọi điện thoại và kể cho Nguyễn Minh T2 nghe về việc mới mua xe mô tô hiệu Honda Vision, không có giấy chứng nhận đăng ký xe, không có biển số xe và mua với giá rẻ từ V, T nhờ T2 mang biển số 72C1-62350 gắn vào xe Honda Vision để T sử dụng thì được T2 đồng ý và mang biển số xe đến nhà T. Khoảng 07 giờ ngày 30-01-2020 T2 gắn biển số 72C1-62350 vào xe Honda Vision, đến khoảng 8 giờ cùng ngày, T nghe điện thoại từ Th yêu cầu mang xe đến nhà Th để giao cho Công An, T nghi ngờ Th nói dối nên bàn và nhờ T2 mang xe về nhà của T2 tại 130/4A Yên Bái, Phường 4, thành phố V để cất giấu. T2 biết rõ xe mô tô trên do T mua là bất hợp pháp nhưng vẫn đồng ý đem xe về nhà mình cất giấu dùm T. Sau đó T2 dùng xe của mình chở T đến nhà của Th để nói chuyện thì bị cơ quan Công an bắt giữ.

Căn cứ bản Kết luận định giá tài sản số 42 và 43/KL-HĐĐG-TTHS ngày 04-03-2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thành phố V kết luận xe mô tô hiệu Yamaha Mio, biển số 72K5-9016 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng); chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen - nâu tại thời điểm bị chiếm đoạt là 30.000.000đ.

Vật chứng thu giữ trong vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Vision, màu Nâu-đen, không biển số, Cơ quan điều tra đã giao trả cho anh Nguyễn Thanh T và 01 xe mô tô hiệu Yamaha Mio, màu trắng, gắn biển số 72K5-9016, Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả cho anh Mai Xuân C. Anh T và anh C không có ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án.

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave α, màu xanh, gắn biển số 60S9-2695; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A10. Cơ quan điều tra đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V quản lý chờ xử lý.

Bản cáo trạng số 221/CT-VKS ngày 20-8-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố bị cáo Bùi Thanh V, về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Trọng Th về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự; bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và Nguyễn Minh T2 về tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Bùi Thanh V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Trọng Th và Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thu tài sản do người khác phạm tội mà có” và Nguyễn Minh T2 phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

+ Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thanh V từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

+ Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng Th từ 03 năm đến 04 năm tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 09 đến 12 tháng tù.

+ Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T2 từ 12 đến 15 tháng tù.

+ Về vật chứng: đề nghị tịch thu sung quỹ 01 xe mô tô hiệu Honda Wave α , màu xanh, gắn biển số 60S9-2695; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen; 01 điện thoại di động hiệu SamSung Galaxy A10; về trách nhiệm dân sự: bị hại đã nhận được tài sản và không yêu cầu gì nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và lời khai của bị hại, của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở xác định:

Bùi Thanh V là người đang có tiền án về hành vi chiếm đoạt tài sản, vào khoảng 11 giờ 00 ngày 29-01-2020, tại dãy phòng trọ số 888/x đường Y, Phường M, thành phố V, V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Mio, màu trắng, biển số 72K5-9016 của anh Mai Xuân C trị giá 1.500.000đ (Một triệu năm trăm triệu đồng); Sau đó, tại nhà số 78/x đường L, Phường M, thành phố V, V tiếp tục có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, màu đen-nâu, không gắn biển số của anh Nguyễn Thanh T, trị giá 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tổng trị giá tài sản V đã chiếm đoạt là 31.500.000đ. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hành vi của Bùi Thanh V phạm tội “Trộm cắp tài sản” với tình

tiết định khung tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự;

Đối với Nguyễn Trọng Th và Nguyễn Văn T, đều nhận thức được chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, không gắn biển số, không có giấy tờ và V bán với giá rẻ là xe do V phạm tội mà có nhưng vẫn giới thiệu và thỏa thuận mua bán xe với giá 7.000.000đ. Do đó, hành vi của Nguyễn Trọng Th và Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Do bị cáo Th là người đang có nhiều tiền án nên bị cáo phạm tội với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự; hành vi phạm tội của bị cáo T quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Đối với Nguyễn Minh T2 biết rõ chiếc xe trên do T mua là tài sản bất hợp pháp nhưng vẫn giúp tài gắn biển số 72C1-623.50. Mặc dù không hứa hẹn trước khi được T nhờ nhưng vẫn thực hiện cất giấu chiếc xe mô tô tại nhà mình một cách trái pháp luật. Do đó, hành vi của Nguyễn Minh T2 phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Hành vi của bị cáo Bùi Thanh V đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của người khác; các bị cáo Nguyễn Trọng Th, Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh T2 tuy không hứa hẹn trước nhưng vẫn thực hiện hành vi tiêu thụ và chứa chấp tài sản do V trộm cắp mà có nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi của mình. Bản thân các bị cáo V, Th, T2 có nhân thân rất xấu, nhiều lần bị kết án; bị cáo V, Th có nhiều tiền án nên phải chịu tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm; bị cáo T2 nhiều lần bị kết án và năm 2015 bị xử phạt 4 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; đối với bị cáo T bị kết án năm 2008, mặc dù đã xóa án tích nhưng cũng thể hiện nhân thân không tốt và có thái độ tham lam khi thấy xe phạm pháp giá rẻ mà vẫn mua bất chấp hậu quả. Nay các bị cáo tiếp tục phạm tội cho thấy xem thường pháp luật nên phải xử phạt thật nghiêm để cải tạo, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Tuy nhiên, quá trình điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

[5] Xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô hiệu Honda Wave α ; 02 điện thoại di động các bị cáo sử dụng phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

- Số tiền 7.000.000đ bị cáo V phạm tội mà có nên buộc bị cáo phải giao nộp ngân sách nhà nước.

[6] Trách nhiệm dân sự: Không.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đối với các bị cáo về phần tội danh, điều luật và mức hình phạt áp dụng là có căn cứ phù hợp với các

tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thanh V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Nguyễn Trọng Th và Nguyễn Văn T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”; Nguyễn Minh T2 phạm tội “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bùi Thanh V 04 (Bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31-01-2020.

- Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Trọng Th 03 (Ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-01-2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Minh T2 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-01-2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Văn T 01 (Một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30-01-2020.

2. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 xe mô tô hiệu Honda Wave α biển số 60S9-2695, 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A10 màu đen.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án thành phố V đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng số 207/BB.THA ngày 10-9-2020).

- Buộc bị cáo Bùi Quốc V phải giao nộp ngân sách nhà nước số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

3. Trách nhiệm dân sự: không.

4. Án phí: Các bị cáo Bùi Thanh V, Nguyễn Trọng Th, Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh T2, mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày

tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Sở Tư pháp tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. V;
- Công an TP. V;
- Chi cục THADS TP. V;
- Những người TGTT;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Trí Thức